

THÔNG BÁO

V/v xét nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng bậc lương trước thời hạn để về hưu tháng 3, 4 năm 2026

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động,

Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-ĐHTN, ngày 17/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước thời hạn của Trường Đại học Tây Nguyên;

Nhà trường thông báo việc xét nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 3,4 năm 2026 như sau:

1. Nâng lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung

1.1. Điều kiện để nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung

- Thời gian:

- + Đủ 24 tháng đối với viên chức và người lao động (VC, NLĐ) loại B, C, hạng IV;
- + Đủ 36 tháng đối với VC loại A, hạng I, II, III;
- + Đủ 12 tháng đối với VC, NLĐ đã hưởng phụ cấp vượt khung từ 5% trở lên.

- Điều kiện: Xếp loại VC, NLĐ: Hoàn thành nhiệm vụ trở lên (trong thời gian xét nâng bậc lương theo từng VC, NLĐ).

1.2. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

Thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư 08/2013/TT-BNV và khoản 3 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Thời gian tập sự;
- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;
- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;
- Thời gian VC, NLĐ đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ;
- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam;
- Thời gian thử thách đối với VC, NLĐ bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng (*Trừ thời gian tập sự*).

1.3. Trường hợp bị kéo dài thời gian nâng bậc lương

Thực hiện theo khoản 5 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp viên chức bị kỷ luật cách chức quản lý;
- Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp: VC bị kỷ luật cảnh cáo; NLĐ bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; VC, NLĐ xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm;
- Kéo dài 03 tháng đối với VC bị kỷ luật khiển trách;

Trường hợp vừa không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài theo quy định.

Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng.

2. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu

VC, NLĐ đã có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc đạt đủ 02 tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 08/2013/TT-BNV; khoản 4 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV, chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn bằng số tháng còn thiếu này.

Căn cứ hồ sơ quá trình công tác của VC, NLĐ, Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể VC, NLĐ danh sách dự kiến nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 3,4 năm 2026.

Nhận được Thông báo này, yêu cầu Lãnh đạo, Công đoàn các đơn vị thông báo đến toàn thể VC, NLĐ được biết. Ý kiến phản hồi gửi về phòng Tổ chức Cán bộ **trước ngày 03 tháng 4 năm 2026** (gặp đ/c Nguyễn Thanh Tùng)/.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- TT.CNTT&TV (đăng website Trường)
- Lưu: VT, TCCB (T02b).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục
DANH SÁCH VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN,
PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG VÀ NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC HẠN ĐỂ VỀ HƯU THÁNG 3,4 NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số:/TB-ĐHTN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

T T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương						Kết quả nâng bậc lương tính đến 30/4/2026						Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (Mã số)	Bậc lương g sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau	Hệ số lương tăng thêm do nâng bậc/ phụ cấp thâm niên vượt khung (hệ số chênh lệch)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN																	
1	Võ Trần Quốc Việt	30/11/1987		K. Y Dược	Đại học	V.08.07.19	6	2,86	0	01/03/2024	V.08.07.19	7	3,06	0	01/03/2026	0,2	
2	Nguyễn Tiến Công	30/06/1988		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	01/03/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/03/2026	0,33	
3	Lê Thị Thảo		04/05/1994	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2,67	0	01/03/2023	V.07.01.03	3	3,00	0	01/03/2026	0,33	
4	Nguyễn Văn Long	20/11/1988		K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	01/03/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/03/2026	0,33	
5	Lê Thị Yến Linh		14/04/1987	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	01/03/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/03/2026	0,33	
6	Lưu Thị Dung		27/08/1981	K. Y Dược	Đại học	01.003	6	3,99	0	10/03/2023	01.003	7	4,32	0	01/03/2026	0,33	
7	Lê Hồng Thủy		03/09/1989	K. Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	02/03/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/03/2026	0,33	
8	Hồ Thị Hào		29/05/1981	K. Nông nghiệp	Tiến sỹ	V.07.01.02	2	4,74	0	01/03/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/03/2026	0,34	
9	Lê Cao Linh Chi		18/08/1990	K. Nông nghiệp	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	01/04/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/04/2026	0,33	
10	Lê Anh Dương	08/06/1977		K. Nông nghiệp	Thạc sỹ	V.07.01.02	3	5,08	0	01/04/2023	V.07.01.02	4	5,42	0	01/04/2026	0,34	
11	Nguyễn Thị Thủy Tiên		23/01/1991	K. Sư phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3,00	0	01/03/2023	V.07.01.03	4	3,33	0	01/03/2026	0,33	
12	Nguyễn Bảo Lâm	02/10/1986		K. LLCT	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	01/04/2023	V.07.01.03	6	3,99	0	01/04/2026	0,33	
13	Phan Thị Thu Hà		15/11/1990	K. KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3,33	0	01/04/2023	V.07.01.03	5	3,66	0	01/04/2026	0,33	
14	Nguyễn Thị Thanh		21/09/1980	K. KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.02	1	4,40	0	01/03/2023	V.07.01.02	2	4,74	0	01/03/2026	0,34	

15	Đàm Thị Ly		25/02/1995	P. TCCB	Đại học	06.031	2	2,67	0	01/03/2023	06.031	3	3,00	0	01/03/2026	0,33	
16	Nguyễn Thị Thu Hương		09/03/1988	P. KHTC	Đại học	06.031	4	3,33	0	01/03/2023	06.031	5	3,66	0	01/03/2026	0,33	
17	Nguyễn Thị Bích Ngọc		09/09/1989	P.HCTH	Cử nhân	V.10.02.06	4	3,33	0	01/03/2023	V.10.02.06	5	3,66	0	01/03/2026	0,33	
18	Trần Quang Nhật	13/06/1974		TT. NNTH	Thạc sỹ	V.07.01.03	8	4,65	0	01/03/2023	V.07.01.03	9	4,98	0	01/03/2026	0,33	
19	Rahlan Y Nei	16/06/1984		TT. NNTH	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3,66	0	01/03/2023	V.07.01.03	6	3,99	0	01/03/2026	0,33	
20	Phan Thị Thục Uyên		05/08/1985	TT. NNTH	Thạc sỹ	V.07.01.02	2	4,74	0	01/03/2023	V.07.01.02	3	5,08	0	01/03/2026	0,34	
21	Đặng Quang Định	24/07/1990		BV trường	Thạc sỹ	V.08.05.12	4	3,33	0	01/04/2023	V.08.05.12	5	3,66	0	01/04/2026	0,33	
22	Nguyễn Thị Thu Thảo		06/07/1991	BV trường	Đại học	V.08.05.13	6	2,86	0	01/04/2024	V.08.05.13	7	3,06	0	01/04/2026	0,2	
23	Nguyễn Thị Ngọc Duyên		10/02/1982	BV trường	THCN	V.08.05.13	9	3,46	0	01/03/2024	V.08.05.13	10	3,66	0	01/03/2026	0,2	
24	Phạm Thị Minh Thương		05/06/1984	BV trường	Đại học	V.08.05.13	9	3,46	0	01/03/2024	V.08.05.13	10	3,66	0	01/03/2026	0,2	
25	Trần Thị Diễm Đoan		06/10/1983	BV trường	Đại học	V.08.05.13	9	3,46	0	01/03/2024	V.08.05.13	10	3,66	0	01/03/2026	0,2	
II. VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÂM VIÊN VƯỢT KHUNG																	
26	Phạm Văn Thành	17/04/1965		P. CSVC	Thạc sỹ	01.003	9	4,98	0	01/03/2023	01.003	9	4,98	5	01/03/2026	5%	
27	Huỳnh Văn Quốc	27/09/1965		P. QLCL	Thạc sỹ	V.07.01.02	8	6,78	0	01/04/2023	V.07.01.02	8	6,78	5	01/04/2026	5%	
28	Nguyễn Thị Tường Như		11/11/1976	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	9	4,98	0	01/04/2023	V.07.01.03	9	4,98	5	01/04/2026	5%	
29	Trần Thị Giang		07/11/1976	P. QLCL	Thạc sỹ	01.003	9	4,98	0	01/04/2023	01.003	9	4,98	5	01/04/2026	5%	
III. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỂ VỀ HƯU																	
30	Lê Thị Hương		12/10/1969	T. THPTHCN	Đại học	01.003	8	4,65	0	01/03/2024	01.003	9	4,98	0	01/03/2026	0,33	

Danh sách gồm có 30 người (Trong đó: 25 người nâng bậc lương thường xuyên; 04 người được tính thâm niên vượt không, 01 người nâng bậc lương trước thời hạn để về hưu).